

Số: 1619 /QĐ-SYT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh theo
Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Trưởng Bộ Y tế.

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Trưởng Bộ Y tế về Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 29/12/2014 của Bộ Y tế quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật;

Căn cứ Quyết định số 25/2009/QĐ-UBND ngày 27/3/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 04174/SYT-GPHĐ ngày 15/4/2015 của Sở Y tế cấp cho Bệnh viện Truyền máu Huyết học TPHCM;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 14/9/2016 của Hội đồng chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế về việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật Bệnh viện Truyền máu Huyết học TPHCM;

Xét đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Y – Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 và Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 29/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Y tế đang được triển khai thực hiện tại Bệnh viện Truyền máu Huyết học TPHCM, địa chỉ số 118 đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 5 và số 201 Phạm Viêt Chánh, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TPHCM (đính kèm 19 kỹ thuật theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT và 57 kỹ thuật theo Thông tư số 50/2014/TT-BYT).

Điều 2. Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt là cơ sở pháp lý cho việc thực hiện kỹ thuật, chuyển tuyến, thanh toán viện phí và là cơ sở để đơn vị phân đầu phát triển chuyên môn kỹ thuật.

Điều 3. Giám đốc Bệnh viện Truyền máu Huyết học TPHCM có trách nhiệm đảm bảo về nhân sự, cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp để thực hiện các kỹ thuật đã được phê duyệt theo đúng các quy định chuyên môn và quy trình kỹ thuật. Khi không đủ điều kiện thực hiện

các kỹ thuật theo quy định, đề nghị Phòng khám phải chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp nhằm đảm bảo an toàn người bệnh.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chức năng thuộc Sở, Chánh Thanh tra Sở, Giám đốc Bệnh viện Truyền máu Huyết học TPHCM và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *khá*

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Giám đốc và các PGD (báo cáo);
- Medinet;
- Lưu: Văn phòng Sở.
"NTT, LHNT; 04b".

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Tăng Chí Thượng



**DANH MỤC KỸ THUẬT BỔ SUNG
BỆNH VIỆN TRUYỀN MÁU HUYẾT HỌC TPHCM.**

(Đính kèm Quyết định số 1619/QĐ-SYT..... ngày 21/9/2016..... của Sở Y tế TPHCM)

A. CÁC KỸ THUẬT THUỘC TT43

XXII. HUYẾT HỌC – TRUYỀN MÁU

TT	TT43/2 014	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		A. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU				
1	68	Định lượng antiCardiolipin IgG bằng phương pháp ELISA/miễn dịch hóa phát quang/ điện hóa phát quang	X	X		
2	69	Định lượng antiCardiolipin IgM bằng phương pháp ELISA/miễn dịch hóa phát quang điện hóa phát quang	X	X		
		B. SINH HÓA HUYẾT HỌC				
3	95	Định lượng Methotrexate	X	X		
		Đ. MIỄN DỊCH HUYẾT HỌC				
4	320	Kháng thể kháng Sm (anti Sm) bằng kỹ thuật ELISA	X	X		
5	350	Điện di miễn dịch nước tiểu	X	X		

XXIV. VI SINH

TT	TT43/2 014	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		A. VI KHUẨN				
		2. Mycobacteria				
6	17	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	X	X	X	X
		6. Các vi khuẩn khác				
7	60	<i>Chlamydia</i> test nhanh	X	X	X	X
8	74	<i>Helicobacter pylori</i> Ab test nhanh	X	X	X	X
9	98	<i>Treponema pallidum</i> test nhanh	X	X	X	X
10	99	<i>Treponema pallidum</i> RPR định tính và định lượng	X	X		
		B. VIRUS				
		4. Dengue virus				
11	183	Dengue virus NS1Ag test nhanh	X	X	X	X

K. Levan

12	184	Dengue virus NS1Ag/IgM/IgG test nhanh	X	X	X	X
13	187	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	X	X	X	X
		C. KÝ SINH TRÙNG				
		1. Ký sinh trùng trong phân				
14	263	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	X	X	X	X
15	264	Hồng cầu trong phân test nhanh	X	X	X	X
16	265	Đơn bào đường ruột soi tươi	X	X	X	X
17	267	Trứng giun, sán soi tươi	X	X	X	X
18	268	Trứng giun soi tập trung	X	X	X	X
19	269	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) ấu trùng soi tươi	X	X	X	X

B. CÁC KỸ THUẬT THUỘC TT50

XXII. HUYẾT HỌC – TRUYỀN MÁU

TT	TT50/2 014	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN LOẠI THỦ THUẬT			
			ĐB	I	II	III
		A. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU				
1	565	Định lượng kháng nguyên antithrombin/ antithrombinIII (AT antigen/ATIII antigen)				
2	570	Định lượng D-Dimer bằng kỹ thuật miễn dịch hóa phát quang				
3	575	Phát hiện chất ức chế phụ thuộc thời gian và nhiệt độ đường đông máu nội sinh				
4	576	Phát hiện chất ức chế không phụ thuộc thời gian và nhiệt độ đường đông máu nội sinh				
5	582	Định lượng hoạt tính Protein S (PS activity)				
6	593	Đo độ ngưng tập tiểu cầu với Ristocetin bằng phương pháp trở kháng				
7	595	Đo độ ngưng tập tiểu cầu với Acid Arachidonic bằng phương pháp trở kháng				
8	596	Đo độ ngưng tập tiểu cầu với ADP bằng phương pháp trở kháng				
9	597	Đo độ ngưng tập tiểu cầu với Collagen bằng phương pháp trở kháng				

10	598	Định lượng kháng nguyên men ADAM TS 13 (A Disintegrin And Metalloproteinase with Thrombo Sprondin1 Member 13 Antigen)				
11	599	Định lượng hoạt tính men ADAM TS 13 (A Disintegrin And Metalloproteinase with Thrombo Sprondin1 Member 13 Activity)				
12	603	Xét nghiệm kháng Protein C hoạt hóa				
		C. TẾ BÀO HỌC				
13	605	Huyết đồ (bằng hệ thống tự động hoàn toàn)				
14	607	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm hồng cầu sắt (Nhuộm Perls)				
15	608	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Peroxydase (MPO: Myeloperoxydase)				
16	609	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Sudan đen				
17	610	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Periodic Acide Schiff (PAS)				
18	611	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Esterase không đặc hiệu				
19	612	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học bằng phương pháp nhuộm Esterase đặc hiệu				
20	615	Xét nghiệm và chẩn đoán hóa mô miễn dịch tủy xương cho một dấu ấn (Marker) trên máy nhuộm tự động				
21	616	Xét nghiệm và chẩn đoán mô bệnh học tủy xương trên máy nhuộm tự động				
		D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU				
22	625	Xác định bất đồng nhóm máu mẹ con (kỹ thuật ống nghiệm)				
23	626	Xác định bất đồng nhóm máu mẹ con (Kỹ thuật Scangel)				
		D. MIỄN DỊCH HUYẾT HỌC				
24	627	Phân tích dấu ấn/CD/marker miễn dịch máu ngoại vi, hoặc dịch khác bằng kỹ thuật flow cytometry				
25	628	Phân tích dấu ấn/CD/marker miễn dịch mẫu tủy xương, hoặc mẫu hạch, hoặc mẫu tổ chức khác bằng kỹ thuật flow cytometry				

Kalawan

26	632	Xét nghiệm tồn dư tối thiểu của bệnh máu ác tính bằng phương pháp Flow-cytometry				
27	633	Định type HLA độ phân giải cao cho 1 locus (Locus A, hoặc Locus B, hoặc Locus C, hoặc Locus DR, hoặc Locus DQ, hoặc Locus DP) bằng kỹ thuật PCR-SSO				
28	634	Định type HLA cho 1 locus (Locus A, hoặc Locus B, hoặc Locus C, hoặc Locus DR, hoặc Locus DQ) bằng kỹ thuật PCR-SSP				
29	635	Định danh kháng thể kháng HLA bằng kỹ thuật luminex				
		E. DI TRUYỀN HUYẾT HỌC				
30	638	Xét nghiệm cấy chuyển dạng lympho				
31	639	Xác định nhiễm sắc thể X, Y bằng kỹ thuật FISH				
32	641	Xét nghiệm giải trình tự gen bằng kỹ thuật giải trình tự thế hệ 1 (cho mỗi đoạn gen <1kb)				
33	643	Xét nghiệm phát hiện đột biến gen thalassemia bằng kỹ thuật PCR				
34	644	Xét nghiệm phát hiện đột biến gen hemophilia bằng kỹ thuật PCR				
35	645	Xét nghiệm phát hiện đột biến gen bằng kỹ thuật PCR				
36	650	Xét nghiệm công thức nhiễm sắc thể với môi trường đặc hiệu				
37	655	Xét nghiệm xác định mọc mảnh ghép (Chimerism) bằng kỹ thuật giải trình tự gen thế hệ 1				
38	661	Xét nghiệm FISH chẩn đoán hội chứng Down				
39	662	Xét nghiệm kháng đột biến Imatinib T315I bằng kỹ thuật Allen-specific PCR				
		G. TRUYỀN MÁU				
40	663	Điều chế khối bạch cầu gan tách bằng máy tách tế bào tự động từ một người hiến máu				X
41	664	Điều chế khối hồng cầu gan tách bằng máy tách tế bào tự động từ một người hiến máu				X
42	665	Điều chế huyết tương gan tách bằng máy tách tế bào tự động từ một người hiến máu				X

43	668	Xét nghiệm định nhóm máu dưới nhóm hệ Rh (C, c, E, e) đối với đơn vị máu bằng kỹ thuật ống nghiệm, bán tự động, tự động				
44	669	Xét nghiệm định nhóm máu hệ MNSs (M, N, S, s, Mia) đối với đơn vị máu bằng kỹ thuật ống nghiệm, bán tự động, tự động				
45	670	Xét nghiệm định nhóm máu hệ Kidd (Jka, Jkb) đối với đơn vị máu bằng kỹ thuật ống nghiệm, bán tự động, tự động				
46	671	Xét nghiệm định nhóm máu hệ Duffy (Fya, Fyb) đối với đơn vị máu bằng kỹ thuật ống nghiệm, bán tự động, tự động				
H. HUYẾT HỌC LÂM SÀNG						
47	677	Truyền máu toàn phần có sử dụng bộ lọc bạch cầu tại giường				X
48	678	Truyền khối hồng cầu có sử dụng bộ lọc bạch cầu tại giường				X
49	679	Truyền khối tiểu cầu có sử dụng bộ lọc bạch cầu tại giường				X
50	680	Truyền thuốc thải sắt đường dưới da			X	
51	681	Chăm sóc bệnh nhân điều trị trong phòng ghép tế bào gốc			X	
52	682	Truyền khối tế bào gốc tạo máu			X	
I. TẾ BÀO GỐC						
53	684	Xử lý tế bào gốc bằng phương pháp thủ công				
54	685	Rửa sản phẩm tế bào gốc sau bảo quản bằng phương pháp thủ công				
55	687	Tìm kiếm nguồn tế bào gốc phù hợp cho ghép				
56	689	Đánh giá tỷ lệ sống của tế bào bằng kỹ thuật nhuộm xanh trypan				
57	690	Đánh giá tỷ lệ sống của tế bào bằng kỹ thuật nhuộm tế bào dòng chảy				

H. HUYẾT HỌC

